

CUỘC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TOÀN CẦU HIỆN NAY VÀ TƯƠNG LAI CỦA CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI XÉT TỪ GÓC ĐỘ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁI KINH TẾ VÀ CÁI XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN

PHẠM XUÂN NAM^(*)

1. Cách đây 20 năm, khi làn sóng của cái gọi là "cuộc cách mạng nhung" đang lan tràn khắp Đông Âu dẫn tới sự sụp đổ của bức tường Berlin, rồi kéo theo sự tan rã của Liên Xô hai năm sau đó, hàng loạt chính khách và lý luận gia ở phương Tây đã lớn tiếng tuyên bố: "Chủ nghĩa xã hội đã cáo chung" (!?), "Chủ nghĩa tư bản đã toàn thắng" (!?). Francis Fukuyama – người được xem là cố vấn (think-tank) của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ hồi đó – còn ra sức chứng minh về "sự tận cùng đích thực của lịch sử", tức "sự tận cùng của sự tiến hóa về ý thức hệ của loài người và sự phổ quát hóa nền dân chủ tự do phương Tây như là một hình thức cuối cùng của tổ chức quản lý trong xã hội loài người" (1).

Đây chính là lúc chủ nghĩa tự do mới (neo-liberalisme) đã lên ngôi thay cho lý thuyết Keynes trong vai trò chi phối đối với sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở nhiều nước tư bản trên thế giới.

Vậy thực chất của chủ nghĩa tự do mới là gì? Đó là lý do khiến cho chủ

nghĩa tự do mới giành được vị trí ưu thắng đối với lý thuyết Keynes, vốn ra đời từ những năm 30 của thế kỷ trước, rồi được nhiều nước tư bản Âu - Mỹ áp dụng trong nhiều thập kỷ? Giờ đây, trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, chủ nghĩa tự do mới đang phải đối mặt với những thách thức gì và tương lai của nó sẽ ra sao? Để trả lời những câu hỏi này, chúng ta cần nhìn lại – dù chỉ lướt qua – những bước thăng trầm của nền kinh tế thị trường TBCN qua mấy giai đoạn chính.

2. Đã có một thời gian dài, nền kinh tế thị trường tại các nước TBCN được vận hành theo cơ chế hoàn toàn tự do. Người đầu tiên tiến hành tổng kết thực tế đó và khái quát hóa thành lý luận là nhà kinh tế học cổ điển Anh Adam Smith. Trong tác phẩm đồ sộ của mình về *Của cải của các dân tộc* (1776), A. Smith đã đưa ra một quan điểm có ý nghĩa triết lý bao quát là: *Hãy để cho thị trường vận hành*. Bởi, theo ông, dưới

^(*) GS., TS., Viện Khoa học xã hội Việt Nam

sự dẫn dắt của "bàn tay vô hình", cơ chế thị trường tự do sẽ bảo đảm cho xã hội những gì sản xuất ra phù hợp với nhu cầu của các thành viên của nó và theo những số lượng mong muốn. Sự tác động qua lại giữa những người tự do cạnh tranh trên thị trường dù với động cơ vị kỷ nhất cũng sẽ đưa tới kết quả cuối cùng là "sự hài hòa xã hội" (2, tr.648).

Trung thành với triết lý của mình, A. Smith cho rằng trong một xã hội dựa trên nền kinh tế thị trường tự do thì *nhà nước phải là tối thiểu*. Nhà nước tuyệt đối không được can thiệp vào nền kinh tế, mà chỉ cần tập trung vào ba chức năng: chống giặc ngoại xâm, bảo vệ xã hội và duy trì các tổ chức.

Tuy nhiên, do không thấy được những mâu thuẫn nội tại của nền kinh tế thị trường TBCN, nên "niềm tin của A. Smith vào sự hài hòa tự phát của xã hội trong cơ chế thị trường tự do đã không hề được thực tế chứng minh" (3, tr.44), như chính các nhà nghiên cứu lịch sử tư tưởng kinh tế ở phương Tây sau này đã nhận xét.

Đặc biệt, trước những hậu quả xã hội nặng nề gây ra bởi cuộc đại khủng hoảng kinh tế bắt nguồn từ Mỹ rồi lan nhanh ra toàn thế giới TBCN trong những năm 1929-1933, Tổng thống Mỹ lúc đó là F. Roosevelt đã buộc phải từ bỏ lý luận về "bàn tay vô hình" của cơ chế thị trường để chuyển sang thực hiện một số chính sách can thiệp cấp thời của nhà nước nhằm hạn chế tính vô chính phủ của tự do cạnh tranh và giải quyết các vấn đề xã hội nóng bỏng, nhất là nạn thất nghiệp tràn lan (chiếm tới 25% tổng lực lượng lao động xã hội thời bấy giờ), chứa đựng nguy cơ bùng nổ xã hội

ngghiêm trọng. Theo nhận xét của nhà kinh tế Heibroner, "Chính phủ bỗng nhiên trở thành một nhà đầu tư chính: đường sá, đập nước, các phòng họp, các giảng đường, các sân bay, bến cảng và các công trình nhà ở cứ mọc lên như trổ hoa" (4, tr.349).

Trên lĩnh vực lý luận, người đại diện tiêu biểu nhất cho sự chuyển biến từ tư duy kinh tế thị trường tự do sang tư duy kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước là John Maynard Keynes. Trong tác phẩm *Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ* (1936), J. M. Keynes chứng minh rằng: muốn thoát khỏi khủng hoảng, thất nghiệp và nguy cơ bùng nổ xã hội, nhà nước phải điều tiết nền kinh tế. Ông bác bỏ khái niệm "*nhà nước tối thiểu*" và đề xuất chủ trương mở rộng chức năng của nhà nước, xem đó là phương tiện duy nhất để tránh khỏi sự phá hủy hoàn toàn các thể chế kinh tế đương thời. Ông nhấn mạnh: Ngoài việc đứng ra gánh lấy một trách nhiệm trực tiếp về mức đầu tư "có thể thực hiện được", nhà nước cần phải có chính sách tác động đến việc giảm lãi suất ngân hàng nhằm khuyến khích các nhà kinh doanh vay vốn để đầu tư mở rộng sản xuất hàng hóa và dịch vụ, qua đó vừa kích thích nhu cầu của người tiêu dùng vừa tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động.

Rõ ràng, theo lý thuyết của Keynes, rốt cuộc không có cơ chế tự động bảo đảm an toàn của nền kinh tế thị trường tự do. Vì thế, ông chủ trương: Nền kinh tế thị trường phải được điều tiết bởi nhà nước nhằm khắc phục hai khuyết tật lớn của xã hội tư bản là "không có việc làm đầy đủ và phân phối của cải một cách bất công" (5, tr.426).

Từ chỗ lúc đầu bị những nhà kinh tế trung thành với triết lý "*Hãy để yên cho thị trường vận hành*" của A. Smith xem là "tà giáo", lý thuyết của Keynes đã dần dần chiếm được địa vị chi phối trong số rất nhiều lý thuyết kinh tế khác ở các nước tư bản phương Tây "từ năm 1945 đến năm 1973" (6, tr.415).

Tuy vậy, Keynes đã không thành công trong việc xây dựng một lý thuyết về sự kết hợp thỏa đáng giữa tăng trưởng kinh tế và việc làm trong thời hạn lâu dài. Sau mấy chục năm hoạt động suôn sẻ, nền kinh tế của các nước tư bản Âu - Mỹ lại rơi vào suy thoái, kèm theo lạm phát và thất nghiệp gia tăng, nhất là từ giữa những năm 70 của thế kỷ trước, khi cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại phát triển như vũ bão, xu thế quốc tế hóa (rồi toàn cầu hóa) kinh tế thế giới càng mở rộng, và hoạt động của các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia ngày càng vượt ra khỏi tầm kiểm soát của các nhà nước riêng rẽ.

3. Trong suốt thời gian lý thuyết Keynes chiếm được địa vị chi phối đối với chính sách kinh tế - xã hội của các nước tư bản phát triển, thì Von Hayek cùng với một số học giả khác như Milton Friedman, Ludwig Von Mises... – những người vốn có quan điểm đối lập với Keynes – vẫn kiên trì theo đuổi luận thuyết của họ. Trong cuốn sách *Con đường dẫn đến sự nô dịch* (1944) của mình, Von Hayek kịch liệt phê phán sự can thiệp của nhà nước vào thị trường, xem đó là nguy cơ đe dọa sự sống còn của tự do kinh tế và chính trị. Ông say sưa ca ngợi tư tưởng tự do kinh doanh ở các thế kỷ XVIII - XIX. Theo ông, vận dụng các tư tưởng đó vào điều kiện kinh tế trong thế kỷ XX vẫn là một điều tuyệt vời. Với những luận điểm chủ yếu

đó, *Con đường dẫn đến sự nô dịch* của V. Hayek được xem là "bản *Hiến chương* đặt nền móng cho chủ nghĩa tự do mới" (7, p.12). Nhưng, vào những thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, chủ nghĩa tự do mới chưa được giới cầm quyền ở các nước tư bản phát triển chú ý tới. Bởi lẽ, lúc đó dưới ảnh hưởng của lý thuyết Keynes, nền kinh tế thị trường TBCN vẫn vận hành có hiệu quả. Phải đợi đến 1/2 cuối những năm 1970, khi cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới nổ ra, các nước tư bản phát triển lại rơi vào suy thoái kinh tế, kèm theo lạm phát và thất nghiệp tăng cao, thì chủ nghĩa tự do mới mới có cơ hội giành lấy địa vị ưu thắng đối với lý thuyết Keynes.

Đặc biệt, từ đầu những năm 1980, chủ nghĩa tự do mới đã được Thủ tướng Anh M. Thatcher, Tổng thống Mỹ R. Reagan nhiệt liệt tán thưởng và áp dụng trên thực tế. Tiếp đó, với sự cổ vũ của WB và IMF, nhiều nước trong tổ chức OECD cùng một số nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, nhất là châu Mỹ Latin cũng lần lượt làm theo. Những người đại diện của các nước trên đã gặp nhau tại thủ đô Hoa Kỳ và thông qua bản Tuyên bố chung gọi là *Đồng thuận Washington*. Người ta thường nhắc tới phương châm hành động mà bản *Đồng thuận Washington* đề ra là: "*Thị trường nhiều hơn, nhà nước ít hơn*". Nhưng nếu phân tích chi tiết ra thì phương châm đó gồm 5 điểm chủ yếu: i) tăng thị trường; ii) giảm nhà nước; iii) phi điều tiết hóa; iv) tự do hóa; v) tư nhân hóa. Một trường phái của chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ là chủ nghĩa bảo thủ mới còn đưa ra khẩu hiệu: "*Tăng trưởng và nhỏ giọt từ trên xuống*" (Growth and trickle down) (8, p.18). Với

khẩu hiệu này, họ chủ trương giảm chi tiêu từ ngân sách quốc gia cho các lợi ích công cộng, điều chỉnh sự phân phối thu nhập theo hướng bất lợi cho người lao động nhưng có lợi cho chủ tư bản nhằm khuyến khích họ "tiết kiệm và đầu tư". Trong quan niệm của họ, tăng trưởng kinh tế phải đi trước, công bằng xã hội sẽ đi sau, và người nghèo hãy kiên tâm chờ đợi!

Nhưng không phải chờ đợi lâu, mà chỉ sau khoảng trên dưới một thập niên áp dụng mô hình kinh tế theo chủ nghĩa tự do mới, thì nhiều nhà khoa học tiến bộ và chính khách tỉnh táo đã nhận ra những hệ quả xấu cả về kinh tế và xã hội mà chủ nghĩa tự do mới gây ra cho hàng loạt nước.

Luis Ignacio Silva, lãnh tụ Công đoàn Brazil (nay là Tổng thống nước này) đã ví tác hại mà chủ nghĩa tự do mới gây ra cho các nước đang phát triển giống như một cuộc chiến tranh thế giới mới. Theo ông, "cuộc chiến tranh này tàn phá Braxin, châu Mỹ Latinh và nói chung cả thế giới thứ ba. Lính không chết nhưng trẻ em phải chết, không có hàng triệu người bị thương thì có hàng triệu người thất nghiệp... Đây là cuộc chiến tranh nợ nước ngoài, vũ khí chủ yếu là tiền lãi" (9, tr.223).

Tại nhiều cuộc Hội thảo quốc tế do UNDP và UNESCO tổ chức, các nhà khoa học có đầu óc khách quan cũng đã đi đến những nhận định rất đáng chú ý sau đây:

a) Khi "bàn tay vô hình" được để mặc cho trở lại thao túng trên thị trường tự do thì nạn thất nghiệp ngày càng trở nên trầm trọng.

b) Việc chấm dứt kiểm soát sự di chuyển của vốn đầu tư theo quan điểm

của chủ nghĩa tự do mới đã tạo ra môi trường thuận lợi cho các nhà tư bản lớn hoạt động đầu cơ trên các thị trường tài chính. Chính điều này là nguyên nhân dẫn tới hàng loạt cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở những phạm vi khác nhau trong những năm qua.

c) Nhìn chung, do tác động của việc áp dụng chủ nghĩa tự do mới, khoảng cách giữa các nước giàu và các nước nghèo cũng như giữa những người giàu và những người nghèo trong nhiều nước ngày càng tăng lên. Theo UNDP, khoảng cách thu nhập giữa 20% giàu nhất và 20% nghèo nhất trong dân số thế giới năm 1960 là 30 lần, năm 1999 tăng lên 84 lần!

4. Tiếp theo các cuộc khủng hoảng lần lượt nổ ra ở Mexico, Đông - Nam Á, Nga, Argentina... trong thập niên 90 của thế kỷ trước, lần này cuộc khủng hoảng tài chính nổ ra ngay tại nước đi đầu trong việc áp dụng chủ nghĩa tự do mới là Mỹ (vào giữa năm 2008), rồi nhanh chóng gây thành phản ứng dây chuyền, đẩy nền kinh tế thế giới lún sâu vào cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất kể từ đầu những năm 30 của thế kỷ trước.

Riêng tại Mỹ, hàng loạt ngân hàng danh tiếng nhất bị sụp đổ. Sự thất thoát của những cổ phiếu trị giá hơn 1000 tỷ USD diễn ra chỉ trong một ngày. Trong khi nhiều chủ ngân hàng vỡ nợ vẫn chia nhau hàng tỷ USD gọi là tiền chi trả cho "những người có chuyên môn cao" theo quy định riêng của họ, thì đa số dân thường lại là những người phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất. Tính đến giữa năm 2009, gần 2,5 triệu ngôi nhà của những người có thu nhập thấp và trung bình bị tịch biên, trên 2 triệu cá nhân và doanh nghiệp (chủ yếu là

nhỏ và vừa) xin phá sản, tỷ lệ thất nghiệp lên tới 9,5% tổng lực lượng lao động xã hội, tương đương 14,7 triệu người.

Tại Liên minh châu Âu (EU), tính đến tháng 5/2009, tỷ lệ thất nghiệp là 8,9%, tương đương 21,5 triệu người; tỷ lệ nghèo (tính đến tháng 3/2009) là 16% (các nước Bắc Âu có tỷ lệ nghèo thấp nhất, các nước Baltic và Địa Trung hải có tỷ lệ nghèo cao nhất trong EU).

Ở các nước đang phát triển, ước tính có thêm 90 triệu người bị rơi vào tình cảnh nghèo cùng cực, khiến cho số người nghèo trên toàn thế giới tăng lên trên 1 tỷ người trong năm 2009.

Rõ ràng, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này đã giáng một đòn chí tử vào lý thuyết của chủ nghĩa tự do mới cùng với những phương châm của bản *Đồng thuận Washington* về "tăng thị trường, giảm nhà nước, phi điều tiết hóa, tự do hóa, tư nhân hóa", như trên đã nói. Một số nhà kinh tế nổi tiếng và có cả chính khách phương Tây cho rằng: Việc áp dụng mô hình kinh tế của chủ nghĩa tự do mới là sai lầm tệ hại và đã đến lúc phải từ bỏ nó.

Trong bài *Cuộc khủng hoảng toàn cầu mang nhãn hiệu "Made in USA"*, Giáo sư Joseph Stiglitz, người được giải thưởng Nobel kinh tế năm 2001 viết: "Mỹ đã xuất khẩu triết lý kinh tế thị trường tự do ở mức mà ngay cả vị "tu sĩ" cao cấp nhất của trường phái đó là Alan Greenspan giờ cũng phải thừa nhận là sai lầm... Mỹ đã xuất khẩu một thứ văn hóa doanh nghiệp vô trách nhiệm đối với xã hội... Và cuối cùng Mỹ đã xuất khẩu cả sự suy thoái đi bốn phương" (theo: 10). Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy tuyên bố: "Phải chỉnh đốn lại chủ nghĩa tư bản theo một mô hình

khác, bởi hệ thống thị trường tự điều tiết đã qua rồi" (theo: 11).

Trên thực tế, ở hầu khắp mọi nơi, chính phủ các nước tư bản đều đã phải điều chỉnh chính sách kinh tế - xã hội, bằng cách trực tiếp bỏ ra hàng chục, hàng trăm, thậm chí hàng ngàn tỷ USD để cứu vãn nền kinh tế trong cơn đa khủng hoảng và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, chứa đựng nguy cơ bùng nổ xã hội với những hậu quả chưa thể lường trước được.

Điều trớ trêu là ngay cả F. Fukuyama – tác giả của luận điểm về "sự phổ quát hóa mô hình dân chủ tự do phương Tây" (mà điển hình là mô hình của Mỹ) ra khắp thế giới, vốn được rùm beng truyền bá một thời – giờ đây cũng phải thừa nhận: "Thủ phạm [của cuộc khủng hoảng tồi tệ hiện nay] chính là mô hình phát triển của Mỹ. Với câu thần chú là giảm bớt sự can thiệp của chính phủ, Washington đã không can thiệp một cách kịp thời và đã để thị trường này gây thiệt hại nghiêm trọng đến các lĩnh vực khác của xã hội... Giá trị dân chủ Mỹ bị xói mòn... "Thương hiệu" Mỹ đang gặp phải những thách thức nghiêm trọng... Toàn bộ khu vực công của nước Mỹ – một khu vực đã không có đủ tiền hoạt động, đã hoạt động cực kỳ kém bài bản và phi đạo đức – cần phải được xây dựng lại... Chính vì vậy, nền dân chủ Mỹ đang có một núi công việc khó khăn phải giải quyết" (12, tr.47-52).

Dĩ nhiên, chúng ta không đơn giản nghĩ rằng CNTB thế giới nói chung và CNTB Mỹ nói riêng đã hết khả năng tự điều chỉnh để thích nghi và tiếp tục phát triển. Song điều chắc chắn là chủ nghĩa tự do mới mà các chính quyền

Reagan, Bush cha và Bush con (trừ chính quyền Clinton) ra sức đề cao, xem đó là chủ thuyết phát triển kinh tế - xã hội của Mỹ trong mấy chục năm sẽ không thể tồn tại như cũ được nữa.

Hiện nay, chưa thấy một lý thuyết mới nào được đề xướng. Song một số điểm quan trọng trong *Lý thuyết tổng quát* của Keynes đang được người ta làm sống lại và bổ sung thêm với hy vọng khắc phục được hai khuyết tật lớn của nền kinh tế thị trường TBCN là "việc làm không đầy đủ và phân phối của cải một cách bất công" mà chính Keynes từng chỉ ra trước đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Francis Fukuyama. The end of history. *National Interest*, No 3, 1989.
2. Adam Smith. Cửa cải của các dân tộc. H.: Giáo dục, 1997.
3. Maurice Baslé, François Benhamon... Lịch sử tư tưởng kinh tế (tập I). H.: Khoa học xã hội, 1996.
4. R. L. Heibroner. Các nhà kinh tế vĩ đại. H.: Khoa học xã hội, 1996.
5. John Maynard Keynes. Lý thuyết tổng quát về việc làm lãi suất và tiền tệ. H.: Giáo dục - Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 1994.
6. Alain Gélédain (chủ biên). Lịch sử tư tưởng kinh tế (tập II). H.: Khoa học xã hội, 1996.
7. Francois Houtart et Francois Polet. L'Autre Davos - Mondialisation des résistances et des luttes. Paris: L'Harmattan, 1999.
8. Sophie Bessis. From social exclusion to social cohesion: a policy agenda. Paris: UNESCO, 1995.
9. Richard Bergeron. Phản phát triển - cái giá của chủ nghĩa tự do. H.: Chính trị quốc gia, 1995.
10. <http://www.Vietnamnet.vn/thegioi/2008/11/814279/>
11. TTX Việt Nam ngày 4/10/2008
12. Francis Fukuyama. Sự sụp đổ của mô hình tư bản Mỹ. Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, 2008, số 12.